

MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN TRONG CHÍNH SÁCH HƯỚNG ĐÔNG CỦA ẤN ĐỘ

VÕ XUÂN VINH*

Ra đời bởi nhu cầu cải cách kinh tế và điều chỉnh chính sách đối ngoại nhưng các nội dung cơ bản của chính sách hướng Đông của Ấn Độ lại không được nêu cụ thể trong một bài phát biểu, một chiến lược hay một kế hoạch nào. Vì vậy, thông qua việc phân tích các bài phát biểu của các nhà lãnh đạo và các nhà hoạch định chính sách, các báo cáo thường niên của các bộ quan trọng như Bộ Ngoại giao, Bộ Quốc phòng, các kế hoạch phát triển vùng của Ấn Độ (đặc biệt là vùng Đông Bắc), chúng tôi sẽ làm rõ những nội dung cơ bản của chính sách này.

1. Thời điểm ra đời, phạm vi và các giai đoạn phát triển của chính sách hướng Đông

1.1. Thời điểm ra đời của chính sách hướng Đông

Thuật ngữ “chính sách hướng Đông” (Look East Policy) được sử dụng lần đầu tiên trong văn bản chính thức của nhà nước Ấn Độ vào năm 1996⁽¹⁾. Mặc dù chính sách này ra đời, tồn tại, và phát triển nhưng phải tới Báo cáo thường niên 2006-2007, Bộ Ngoại giao Ấn Độ mới xác nhận rằng, chính sách hướng Đông ra đời

năm 1992⁽²⁾. Cho đến nay, việc xác định thời điểm ra đời không phải là quan tâm hàng đầu của giới học giả nghiên cứu về chính sách hướng Đông. “Đầu những năm 1990” là cụm từ được sử dụng phổ biến để nói về sự ra đời của chính sách này. Bên cạnh thời điểm không cụ thể đó, nhiều học giả cũng đưa ra quan điểm của riêng họ về thời điểm ra đời của chính sách này và các năm 1991 và 1992 là những niên đại được nhất trí nhiều hơn cả. Khi đưa ra thời điểm 1991, các học giả thường gắn sự ra đời của chính sách hướng Đông với cuộc cải cách toàn diện nền kinh tế năm 1991 của chính phủ Ấn Độ. Thời điểm ra đời của chính sách này vào năm 1992 đã được một số học giả Ấn Độ khẳng định trong các nghiên cứu của họ trước khi có khẳng định chính thức của bộ Ngoại giao nước này. Trong các nghiên cứu thuộc công trình “*Xây dựng một đối tác toàn cầu: Năm mươi năm quan hệ Ấn Độ - Nhật Bản*”, các tác giả K.V. Kesavan và A.N. Ram⁽³⁾ nhất trí rằng chính sách hướng Đông của Ấn Độ ra đời năm 1992.

1.2. Phạm vi chính sách hướng Đông

Trong phát biểu về chính sách đối ngoại của Ấn Độ năm 1994 tại Xingapo,

* Võ Xuân Vinh, Viện Nghiên cứu Đông Nam Á.

Thủ tướng P.V. Narasimha Rao đã gửi đi thông điệp rõ ràng rằng Ấn Độ đang hướng tới khu vực châu Á - Thái Bình Dương⁽⁴⁾ và Thủ tướng Xingapo Lý Quang Diệu đã giải thích, “qua thông điệp này, Thủ tướng Rao đã đưa Ấn Độ hướng Đông, hướng tới sự năng động của châu Á - Thái Bình Dương”⁽⁵⁾. Tuy nhiên, một bộ phận trong giới học giả Ấn Độ vẫn cho rằng “chính sách hướng Đông của Ấn Độ chỉ là quan hệ của Ấn Độ với Đông Nam Á (hay ASEAN)”⁽⁶⁾. Mặc dù vậy, quan điểm cho rằng phạm vi của chính sách hướng Đông là khu vực Đông Nam Á hay ASEAN là không nhiều. Các học giả chuyên nghiên cứu về quan hệ Ấn Độ - Đông Nam Á và Ấn Độ - Đông Á như Baladas Ghosal, Alka Acharya, Man Mohini Kaul, Amitabh Mattoo, Swaran Singh, G.V.C. Naidu đều khẳng định rằng phạm vi của chính sách hướng Đông hoặc là Đông và Đông Nam Á⁽⁷⁾, hoặc là châu Á - Thái Bình Dương⁽⁸⁾, hoặc là Đông Nam và châu Á - Thái Bình Dương⁽⁹⁾.

Về phần mình, các nhà chính trị, các nhà hoạch định chính sách của Ấn Độ dù vẫn chưa thống nhất trong cách đề cập về phạm vi của Chính sách hướng Đông nhưng họ vẫn có điểm chung là coi phạm vi của chính sách này vượt qua khuôn khổ của khu vực Đông Nam Á. Năm 2003, trong bài phát biểu tại Diễn đàn Geneva, Thư ký Ngoại giao Ấn Độ Kanwal Sial đã nói rằng “chính sách hướng Đông của Ấn Độ bắt đầu từ Đông Bắc Á chứ không đơn thuần chỉ là khu vực ASEAN”⁽¹⁰⁾. Cũng vào thời gian này, Bộ trưởng Ngoại giao Ấn Độ Yashwant Sinha khẳng định “chính sách hướng Đông của Ấn Độ không chỉ hạn chế ở mười nước ASEAN mà đã

mở rộng tới cả khu vực Đông Bắc Á - Nhật Bản, Trung Quốc và Hàn Quốc”⁽¹¹⁾. Tuy nhiên, Đông Nam Á và Đông Bắc Á vẫn chưa phải là phạm vi cuối cùng của chính sách hướng Đông và một không gian rộng lớn hơn của chính sách này đã được Thư ký hỗn hợp của Bộ ngoại giao Ấn Độ Pradeep Kumar Kapur khẳng định tại Hội thảo quốc tế nhân kỷ niệm 35 năm thiết lập quan hệ ngoại giao đầy đủ giữa Việt Nam và Ấn Độ ở Hà Nội năm 2007: “Mục tiêu chính của chính sách hướng Đông khi mới hình thành đầu những năm 1990 là tăng cường quan hệ với ASEAN. Chính sách này dần được mở rộng ra các khu vực Viễn Đông (Far Eastern) và Thái Bình Dương, và tạo thuận lợi cho (Ấn Độ có) các mối liên kết gần gũi hơn với Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Úc, New Zealand, Niu Dilân, Fiji, Papua New Guinea và các quốc đảo ở Thái Bình Dương”⁽¹²⁾.

1.3. Các giai đoạn của chính sách hướng Đông

Có thể nói rằng, quan điểm chính thức của chính phủ Ấn Độ về phân chia các giai đoạn của chính sách hướng Đông được thể hiện trong các phát biểu của Ngoại trưởng Ấn Độ Jashwant Sinha năm 2003. Ngày 26/8/2003, trong bài phát biểu dưới tiêu đề “*châu Á: Một thời kỳ thay đổi*”⁽¹³⁾ tại Viện Nghiên cứu Quân sự và Chiến lược Xingapo, Ngoại trưởng Jashwant Sinha đã nói rằng, “với việc tổ chức Hội nghị cấp cao Ấn Độ - ASEAN lần thứ nhất tại Phnom Penh tháng 11 năm ngoái (2002), chúng tôi đã thực sự bước vào giai đoạn II của chính sách hướng Đông”. Đến cuối tháng 9/2003, Ngoại trưởng Sinha trong bài phát biểu tại

Trường đại học Harvard đã đề cập đến nội dung của từng giai đoạn trong chính sách hướng Đông như sau: “giai đoạn đầu tiên của chính sách hướng Đông tập trung vào ASEAN và hướng chủ yếu vào các mối liên kết thương mại và đầu tư. Giai đoạn mới của chính sách này được đặc trưng bởi một khái niệm mở rộng về hướng Đông, mở rộng từ Ôt-xtrây-li-a tới Đông Á với ASEAN là trọng tâm (core) của chính sách này”⁽¹⁴⁾. Về cơ bản, giới truyền thông và học giả cũng nhất trí lấy năm 2002 làm điểm khởi đầu của giai đoạn II của chính sách hướng Đông của Ấn Độ.

Về khung khổ hợp tác, năm 2002 là mốc đánh dấu việc hoàn thành bước tiến quan trọng nhất của Ấn Độ trong hợp tác ASEAN, Hội nghị cấp cao ASEAN - Ấn Độ lần đầu tiên được tổ chức. Với sự kiện này, Ấn Độ là nước đầu tiên ngoài khu vực Đông Á (phương diện địa lý) đạt được cơ chế hợp tác cấp cao thường niên (annual summit) tương đương với ba đối tác khác của ASEAN là Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản. Kể từ năm 2002, quan hệ giữa Ấn Độ và ASEAN được mở rộng, phát triển về chiều sâu và Ấn Độ hướng tới xây dựng cơ chế hợp tác với khu vực Đông Á, cụ thể:

(1) Tiến trình đàm phán về khu vực mậu dịch tự do ASEAN - Ấn Độ chính thức được các nước thành viên ASEAN chấp thuận tại Hội nghị thượng đỉnh ASEAN năm 2003 tại Bali, Indônêxia;

(2) Thủ tướng Altai Behari Vajpayee chính thức đề nghị xây dựng Cộng đồng kinh tế châu Á (Asian Economic Community) gồm mười nước thành viên ASEAN, ba đối tác Đông Bắc Á và Ấn Độ năm 2003; và

(3) Quan hệ Ấn Độ và ASEAN đã đạt được bước tiến mới trên lĩnh vực an ninh khi *Tuyên bố chung ASEAN - Ấn Độ về hợp tác chống chủ nghĩa khủng bố* ra đời năm 2003.

2. Các mục tiêu của chính sách hướng Đông

Chính sách hướng Đông được triển khai trong một quá trình, được bổ sung những yếu tố mới do nhu cầu của chính bản thân Ấn Độ trước những thay đổi của bối cảnh trong nước, khu vực và quốc tế. Qua các phát biểu của các nhà lãnh đạo, các nhà hoạch định chính sách Ấn Độ cũng như những chính sách cụ thể mà nước này áp dụng cho khu vực, chúng ta có thể khẳng định rằng, chính sách hướng Đông bao gồm những mục tiêu cơ bản sau:

Thứ nhất, với việc triển khai chính sách hướng Đông, Ấn Độ mong muốn tăng cường các mối quan hệ kinh tế với các nước ASEAN nói riêng và Đông Á nói chung, đồng thời xua tan mối nghi ngại của khu vực Đông Á về một Ấn Độ có chính sách đối ngoại đi ngược lại với quan điểm của các nước ASEAN thời kỳ chiến tranh Lạnh. Bộ trưởng Ngoại giao Ấn Độ Gujral khẳng định: “Chúng tôi coi đối tác đối thoại đầy đủ với ASEAN là minh chứng cho vận mệnh chính sách hướng Đông của mình”⁽¹⁵⁾.

Thứ hai, Ấn Độ khởi động chính sách hướng Đông để phục vụ cuộc cải cách kinh tế toàn diện năm 1991. “Tư tưởng mới về FTA đã tạo ra một động lực mới cho Chính sách hướng Đông và đến lượt mình, chính sách hướng Đông có những tác động đến cải cách và tự do hóa của Ấn Độ” và “mục tiêu cải cách và tự do hóa kinh tế của

chính sách hướng Đông giúp Ấn Độ giảm các hàng rào thương mại cũng như tự do hóa chế độ đầu tư⁽¹⁶⁾. Mục tiêu này được khẳng định rõ hơn trong phát biểu của Thủ tướng Manmohan Singh năm 2004: “các chính phủ kế tiếp nhau (của Ấn Độ) đã tự cam kết hạ mức thuế theo các mức thuế của ASEAN và chúng tôi sẽ từng bước hoàn thành điều này. Những nỗ lực gần đây của chúng tôi trong việc tạo ra một Cộng đồng kinh tế châu Á cũng buộc chúng tôi phải theo định hướng này”⁽¹⁷⁾.

Thứ ba, cuối những năm 1980 và tới trước khủng hoảng tài chính tiền tệ châu Á 1997-1998, Đông Á là khu vực có mức tăng trưởng kinh tế cao và ổn định bậc nhất thế giới. Những năm đầu thế kỷ XXI, các nền kinh tế Đông Á khôi phục được mức tăng trưởng cao và ổn định trở lại. “Ấn Độ tin rằng Đông Á nắm giữ chiếc chìa khóa cho tăng trưởng kinh tế ổn định của Ấn Độ, đặc biệt khi các hoạt động kinh tế quốc tế trở nên ngày càng quan trọng đối với tăng trưởng của Ấn Độ, và các khu vực khác đang có xu hướng tăng trưởng chậm lại cũng như gia tăng tính chất bảo hộ⁽¹⁸⁾. Đó là những lý do quan trọng khi nhiều phát biểu gần đây của các nhà lãnh đạo Ấn Độ đều cho rằng vận mệnh của quốc gia này gắn với khu vực Đông Á.

Thứ tư, thực hiện chính sách hướng Đông, Ấn Độ hướng tới mục tiêu xây dựng Cộng đồng kinh tế châu Á, một hình thức liên kết kinh tế nhằm đối trọng với khối EU và Khu vực thương mại tự do Bắc Mỹ (NAFTA) nhưng quan trọng hơn là để Ấn Độ không bị đứng ngoài các khối kinh tế

chủ đạo của thế giới và khẳng định vị thế cường quốc của mình ở khu vực châu Á. Năm 2003, phát biểu tại Bali (Indônêxia), Thủ tướng Ấn Độ A.B. Vajpayee đã nói rõ kỳ vọng của ông về cộng đồng này như sau: “Một cộng đồng kinh tế châu Á của 14 nước, bao gồm các nước ASEAN + 3 (Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc) + 1 (Ấn Độ) sẽ khai thác có hiệu quả nhất sự đồng vận của chúng ta⁽¹⁹⁾. Sau Hội nghị cấp cao Đông Á lần thứ nhất vào tháng 12/2005, Ấn Độ đã mở rộng phạm vi sáng kiến Cộng đồng kinh tế châu Á khi Thủ tướng Manmohan Singh phát biểu, “mong muốn chủ quan trong việc xây dựng một Cộng đồng Đông Á gồm ASEAN, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc và cả Otxtrâyliya cùng New Zealand là điều đương nhiên. Cũng giống như NAFTA và EU mở rộng, một FTA liên Á (pan-Asia) sẽ là một hiệp hội những quốc gia năng động, mở và đặc thù ở khu vực rộng lớn của chúng ta... Tôi tin chắc rằng đây là con đường duy nhất để hướng tới phía trước và Ấn Độ mong muốn được kết hợp với các nước khác cùng chí hướng để thực hiện điều này⁽²⁰⁾.

Thứ năm, bảy bang vùng Đông Bắc của Ấn Độ là những bang kém phát triển về kinh tế-xã hội và bất ổn an ninh. Xác định một trong những điểm mạnh của khu vực là “gần kề với một trong những khu vực tăng trưởng nhanh nhất thế giới, là các nền kinh tế mới nổi Đông Nam Á⁽²¹⁾, cuộc họp lần thứ 52 của ủy ban vùng Đông Bắc Ấn Độ (NEC - 2/2006) đã “nhấn mạnh việc tăng cường biên mậu, coi đây là nhiệm vụ, là một phần của chính sách hướng Đông, khu vực phải được hỗ trợ để có được lợi ích đầy đủ từ thương mại với các nước Đông

Nam Á"⁽²²⁾. Mục tiêu quan trọng của chính sách hướng Đông đối với khu vực Đông Bắc được NEC tái khẳng định tại cuộc họp lần thứ 53: "chính sách hướng Đông có tiềm năng phá vỡ sự cô lập và mang thịnh vượng đến cho khu vực"⁽²³⁾.

Thứ sáu, hạn chế ảnh hưởng của Trung Quốc ở Ấn Độ Dương được coi là một mục tiêu của chính sách hướng Đông. Kể từ cuối những năm 1980 và đầu những năm 1990, Trung Quốc đã có ý định mở rộng ảnh hưởng xuống khu vực Ấn Độ Dương, nơi Ấn Độ coi là khu vực ảnh hưởng truyền thống của họ. Năm 1986, chỉ huy của Tàu khu trục số 132 được trang bị tên lửa điều khiển từ xa của Trung Quốc đã phát biểu tại cảng Chittagong (Bangladesh) rằng Ấn Độ Dương không duy nhất thuộc về Ấn Độ⁽²⁴⁾. Và, khi được hỏi về nhân tố Trung Quốc trong chính sách hướng Đông, nguyên Ngoại trưởng Ấn Độ Yashwant Singha đã nói: "Không. Đây là thương mại giữa Ấn Độ và ASEAN. Nhưng thậm chí khi chúng tôi không cân nhắc nhân tố Trung Quốc thì các nước ASEAN cũng sẽ làm vậy"⁽²⁵⁾.

3. Các hướng triển khai chính sách hướng Đông

Năm 2003 tại Mátcova, Ngoại trưởng Ấn Độ Yashwant Sinha phát biểu: "Chúng tôi đã nỗ lực tạo dựng các thỏa thuận thương mại và đầu tư đặc biệt, bao gồm việc thông qua một Khu vực thương mại tự do Ấn Độ - ASEAN, một Hiệp định thương mại tự do (FTA) BIMST-EC⁽²⁶⁾ (Hợp tác kinh tế Bangladesh, Ấn Độ, Myanmar, Sri Lanka, Thái Lan) cũng như các thỏa thuận song phương như FTA Ấn

Độ - Thái Lan, Thỏa thuận hợp tác kinh tế toàn diện Ấn Độ - Xingapo, và Hợp tác Mekong - sông Hằng (bao gồm Ấn Độ, Thái Lan, Myanmar, Việt Nam, Campuchia và Lào). Đó là những khung khổ quan trọng của chính sách hướng Đông của Ấn Độ"⁽²⁷⁾. Từ phát biểu này, chúng ta có thể khẳng định rằng, Ấn Độ triển khai chính sách hướng Đông theo ba hướng chủ yếu sau:

3.1. ASEAN với tư cách là một cơ chế hợp tác khu vực

"Vào đầu những năm 1990, chính phủ Ấn Độ đã đưa ra một quyết định chiến lược nhằm làm sâu sắc thêm quan hệ với các nước Đông Nam Á. Nhờ vậy những hạt giống của Chính sách hướng Đông nổi tiếng đã nảy mầm"⁽²⁸⁾. Nói cách khác, "khi tiếp cận Đông Á, Ấn Độ trước hết chọn hướng tập trung vào ASEAN"⁽²⁹⁾. Về phần mình, "các thành viên ASEAN là những nước đầu tiên ủng hộ chính sách hướng Đông"⁽³⁰⁾. Nhìn nhận vai trò động lực (driving force) của ASEAN trong các cơ chế hợp tác khu vực như ASEAN+1, ASEAN+3 và Cấp cao Đông Á, Ấn Độ xác định rằng, họ chỉ có thể hiện thực hóa các mục tiêu của mình ở châu Á - Thái Bình Dương thông qua củng cố và nâng cấp quan hệ với tổ chức khu vực này.

3.2. Hợp tác tiểu khu vực

Như đã nói ở trên, phát triển vùng Đông Bắc Ấn Độ và kiềm chế ảnh hưởng của Trung Quốc ở Ấn Độ Dương là hai trong số những mục tiêu của chính sách hướng Đông. Tiếp cận theo hướng này, Ấn Độ đã chủ trương các liên kết tiểu khu vực với khu vực Đông Nam Á lục địa thông qua các cơ chế hợp tác như BIMSTEC và

Hợp tác Mekong-sông Hằng. Với vùng Đông Bắc, những cơ chế hợp tác này mở ra cơ hội phá vỡ thế cô lập và hội nhập với các quốc gia xung quanh. Về mặt chiến lược, "BIMSTEC một phần được thiết kế để làm đối trọng với Sáng kiến hợp tác Bangladesh, Trung Quốc, Ấn Độ và Myanmar. BIMSTEC chính là SAARC trừ Pakistan nhưng cộng thêm Thái Lan và Mianma. Hợp tác Mekong-sông Hằng một phần được thiết kế để làm đối trọng với hợp tác Tiểu vùng Mekong mở rộng, một cơ chế hợp tác có mặt Trung Quốc. Với các thành viên là Ấn Độ, Campuchia, Lào, Myanmar, Việt Nam và Thái Lan, Hợp tác Mekong - sông Hằng hội tụ đủ các thành viên của hợp tác Tiểu vùng sông Mekong mở rộng trừ Trung Quốc"⁽³¹⁾.

3.3. Hiệp định thương mại tự do

Học giả Dong Zhang đánh giá: "các FTA với các nước Đông Á sẽ mang lại cho Ấn Độ cơ hội lựa chọn mở trong trường hợp các cuộc đàm phán của WTO thất bại"⁽³²⁾. Tuy nhiên, các FTA thường chỉ đề cập chủ yếu đến thương mại hàng hóa và thương mại dịch vụ và đương nhiên, đầu tư không thuộc nội dung của các FTA. Đó là lý do tại sao Ấn Độ theo đuổi *Hiệp định khung về hợp tác kinh tế toàn diện ASEAN - Ấn Độ* năm 2003 và *Hiệp định hợp tác kinh tế toàn diện Ấn Độ - Xingapo* năm 2005. Khi các cuộc đàm phán về FTA với ASEAN gặp khó khăn, Ấn Độ chuyển hướng sang các FTA song phương với các đối tác ở khu vực như Xingapo và Thái Lan. Đây được cho là cách thức dễ dàng hơn để Ấn Độ vẫn có thể duy trì và thúc đẩy các cuộc đàm phán về FTA với khu vực Đông Á.

* *

*

Chính sách hướng Đông ra đời là kết quả của sự điều chỉnh chính sách đối ngoại của Ấn Độ nhằm thích nghi với những biến động của tình hình quốc tế, khu vực và trong nước. Hướng Đông không có nghĩa là Ấn Độ không quan tâm tới các khu vực khác. Bộ trưởng Ngoại giao Ấn Độ I.K. Gujral trong bài phát biểu tại hội nghị sau hội nghị các Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN năm 1996 đã giải thích rõ rằng "hướng Đông không phải là nỗ lực chúng tôi (Ấn Độ) tự tách mình khỏi tiểu khu vực Nam Á hay rời bỏ hướng Tây"⁽³³⁾./

CHÚ THÍCH:

1. Ministry of External Affairs (Government of India), *Annual Report 1995-1996*, pp.7&118.
2. Ministry of External Affairs (Government of India), *Annual Report 2006-2007*, p.122.
3. K.V. Kesavan, "Economic Liberalization in India and Japan's Wavering Response" and A.N. Ram, "India's Look East Policy - A Perspective", in K.V. Kesavan (ed), *Building a Global Partnership: Fifty Years of Indo-Japanese Relations*, New Delhi: Lancer Books, 2002, pp.78&135.
4. P.V. Narasimha Rao, *India and The Asia-Pacific - Forging a New Relationship*, Singapore; Institute of Southeast Asian Studies, 1994, p.16.
5. P.V. Narasimha Rao, tài liệu đã dẫn, tr.2.
6. Prakash Nanda, *Rediscovering Asia - Evolution of India's Look East Policy*, New Delhi: Lancer Publishers & Distributors, 2003, p.16.
7. Baladas Ghoshal, *India and Southeast*

- Asia: Prospects and Problems, in Baladas Ghoshal (ed), *India and Southeast Asia: Challenges and Opportunities*, New Delhi: India International Centre, 1996, p.133.
8. G.V.C. Naidu, Whither the Look East Policy: India and Southeast Asia, *Strategic Analysis*, Vol.28, No.2, Apr-June 2004, p.331
9. Alka Acharya, India's 'Look East Policy': Regional Strategy of a Rising Power, bài tham dự hội thảo "Sự nổi lên của Ấn Độ và triển vọng quan hệ Việt Nam - Ấn Độ", ngày 19/6/2007 tại Hà Nội, tr.4.
10. Kanwal Sibal, *Indian Foreign Policy: Challenges and Prospects*, speech presented at Geneva Forum on January 23, 2003, p.4.
11. The Hindu, "Look-East' policy not restricted to ASEAN: Sinha, Thursday, Nov 6, 2003, xem tại <<http://www.thehindu.com/thehindu/2003/11/06/stories/2003110605151100.htm>>
12. Xem Pradeep Kumar Kapur, India's Engagement with East Asia, Bài tham luận tham dự Hội thảo quốc tế: "Sự nổi lên của Ấn Độ và triển vọng quan hệ Việt Nam - Ấn Độ" được tổ chức tại Hà Nội ngày 19/6/2007, tr.16.
13. Speech by External Affairs Minister Shri Yashwant Sinha at the Institute of Defence and Strategic Studies, Singapore, 'Asia: A Period of Change', Tuesday, 26 August 2003.
14. Speech by External Affairs Minister Shri Yashwant Sinha at Harvard University, 29/09/2003.
15. Statement by His Excellency Mr. I.K. Gujral, Minister of External Affairs of India at ASEAN Post Ministerial Meeting in 1996. Xem <http://www.aseansec.org/4308.htm>
16. Prakash Nanda, Sdd, tr.16
17. Manmohan Singh, PM's address at meeting of PM's Council on Trade and Industry, New Delhi, December 4, 2004.
18. Zhang Dong, *India looks east: strategies and impacts*, Ausaid Working Paper, September 2006, p. 17.
19. G. Parthasarathy, *India looks eastward*, The Tribune 23/10/2003.
20. PM's keynote address at special leaders dialogue of ASEAN Business Advisory Council, Kuala Lumpur, December 12, 2005.
21. North Eastern Council Secretariat, Annual Pland 2007-08 North Eastern Council, Shillong, 2008, p.5.
- 22, 23. Tài liệu đã dẫn, tr.41, tr.53.
24. Swaran Singh, *China-South Asia; Issues, Equations, Policies*, New Delhi: Lancer's Books, 2003, p.115.
25. Amit Baruah, Foreign Ministers of India, China, Russia to Meet Again, The Hindu, 12 October 2003, dẫn lại từ Hu Shisheng, India's Approach to ASEAN and Its Regional Implications, in Saw Swee-Hock, Sheng Lijun, Chin Kin Wah (eds), *ASEAN-China Relations: Realities and Prospects*, Singapore: ISEAS, 2005, p.139.
26. Năm 2004 tại Hội nghị thượng đỉnh lần đầu tiên của tổ chức này, theo sáng kiến của Thủ tướng Thái Lan Thaksin Shinawatra, BIMs-TEC được đổi thành BIMSTEC, có nghĩa là Sáng kiến vùng Vịnh Bengal về hợp tác Kinh tế và Kỹ thuật đa lĩnh vực.
27. Speech by His Excellency Mr. Yashwant Sinha External Affairs Minister of India on *India's Foreign Policy Today* at the Diplomatic Academy, Moscow, February 20, 2003.
28. Pradeep Kumar Kapur, India's Engagement with East Asia, bài tham dự hội thảo "Sự nổi lên của Ấn Độ và triển vọng quan hệ Việt Nam - Ấn Độ", ngày 19/6/2007 tại Hà Nội, tr.9
- 29, 30, 31, 32. Dong Zhang, tài liệu đã dẫn, p.18, 20
33. Statement by His Excellency Mr. I.K. Gujral, Minister of External Affairs of India at ASEAN Post Ministerial Meeting 1996. Xem toàn văn bài phát biểu tại <http://www.aseansec.org/4308.htm>.